

Số: /2026/QĐ-CTUBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy chế quản lý, phân cấp quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 595/TTr-SNV ngày 10/4/2026;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý, phân cấp quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, phân cấp quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 2.** Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Chủ tịch UBND các xã, phường, các hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Cục KTVB và TCTHPL- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Công thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, VHXX<sub>LDVL62</sub>

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh

## QUY CHẾ

### Quản lý, phân cấp quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-CTUBND ngày tháng năm 2026  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về quy chế quản lý hòa giải viên lao động và phân cấp quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

- Hoà giải viên lao động trên địa bàn tỉnh;
- Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).
- Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân khác có liên quan.

## Chương II

### PHÂN CẤP QUẢN LÝ HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

#### Điều 2. Phân cấp quản lý hòa giải viên lao động

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm quản lý hòa giải viên lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức khác cấp tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý hoà giải viên lao động sau:

- Hòa giải viên lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức khác cấp xã.
- Hòa giải viên lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, sinh sống trên địa bàn xã, phường (ngoài đối tượng tại khoản 1 Điều này).

## Chương III

### QUY CHẾ QUẢN LÝ HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 3. Tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động được tuyển chọn theo kế hoạch hằng năm do Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Tiêu chuẩn hòa giải viên lao động

Hòa giải viên lao động phải có đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 92 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

3. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ.

b) Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại Điều 73, Điều 74 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ và Điều 93, Điều 94 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

#### **Điều 4. Chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động**

1. Chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2. Hòa giải viên lao động được tham gia các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn về giải quyết hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề; hỗ trợ phát triển quan hệ lao động để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ của mình do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

3. Cơ quan cử hòa giải viên lao động quy định tại Điều 5 của Quy chế này này có trách nhiệm bố trí địa điểm, phương tiện làm việc, tài liệu, văn phòng phẩm và các điều kiện cần thiết khác để hòa giải viên lao động làm việc.

4. Kinh phí chi trả các chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động do ngân sách nhà nước bảo đảm. Việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Hằng năm, Sở Nội vụ xây dựng dự toán đảm bảo nhiệm vụ chi cho công tác cho hòa giải viên lao động thuộc Sở quản lý và được bố trí kinh phí hoạt động vào dự toán chi thường xuyên hàng năm của đơn vị; Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng dự toán đảm bảo nhiệm vụ chi cho công tác cho hòa giải viên lao động thuộc UBND cấp xã quản lý và được bố trí kinh phí vào dự toán chi thường xuyên hàng năm của đơn vị.

#### **Điều 5. Cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ giải quyết tranh chấp và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động**

1. Sở Nội vụ cử hòa giải viên lao động thuộc Sở Nội vụ quản lý theo khoản 1 Điều 2 Quy chế này thực hiện nhiệm vụ hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề; hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã cử hòa giải viên lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo khoản 2 Điều 2 Quy chế này thực hiện nhiệm vụ hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề; hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trên địa bàn xã, phường đó.

3. Đối với vụ việc mà một người kiến nghị một nội dung: Cơ quan quản lý hòa giải viên lao động cử 01 hòa giải viên thực hiện giải quyết vụ việc.

4. Đối với vụ việc mà nhiều người kiến nghị cùng một nội dung: Cơ quan quản lý hòa giải viên lao động cử tối đa 02 hòa giải viên thực hiện giải quyết vụ việc.

5. Đối với vụ việc mà một người kiến nghị nhiều nội dung thì cơ quan quản lý hòa giải viên lao động cử tối đa 03 hòa giải viên thực hiện giải quyết vụ việc.

6. Đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài; được dư luận quan tâm, nhiều cơ quan báo chí ở Trung ương hay địa phương đưa tin; có nhiều tài liệu, các chứng cứ mâu thuẫn với nhau hoặc vụ việc có liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau thì cơ quan quản lý hòa giải viên lao động cử tối đa 05 hòa giải viên thực hiện giải quyết vụ việc.

7. Trường hợp nhiều người kiến nghị về nhiều nội dung thì trước khi cử hòa giải viên lao động cơ quan quản lý hòa giải viên lao động phải phân loại vụ việc theo tính chất, nội dung đề nghị để xem xét cử hòa giải viên lao động.

8. Đối với vụ việc có tính chất phức tạp theo báo cáo, đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã thì Sở Nội vụ xem xét để cử hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý tham gia xử lý vụ việc nhưng tối đa không quá 02 hòa giải viên.

9. Trong quá trình xử lý vụ việc, nếu phát sinh những vấn đề phức tạp mà hòa giải viên lao động được cử không thể thực hiện được thì hòa giải viên lao động được cử xử lý vụ việc phải báo cáo cơ quan quản lý hòa giải viên lao động để cử thêm tối đa không quá 02 hòa giải viên lao động cùng tham gia giải quyết vụ việc.

10. Việc cử hòa giải viên lao động được thực hiện bằng văn bản làm căn cứ giải quyết chế độ đối với hòa giải viên lao động.

### **Điều 6. Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động**

1. Hòa giải viên lao động đề xuất kế hoạch hoạt động hằng năm gửi cơ quan quản lý hòa giải viên lao động phê duyệt. Kế hoạch hoạt động hằng năm thể hiện các nội dung, nhiệm vụ sau:

a) Hỗ trợ người lao động, tổ chức đại diện người lao động, người sử dụng lao động đối thoại, thương lượng tập thể và tư vấn pháp luật lao động (khi có yêu cầu).

b) Tham gia xử lý các vụ đình công không đúng trình tự pháp luật theo phân công.

c) Tham gia thu thập thông tin về quan hệ lao động, phối hợp xây dựng hệ thống quản lý vụ việc hòa giải tranh chấp lao động.

2. Cơ quan quản lý hòa giải viên lao động phê duyệt kế hoạch, đôn đốc thực hiện kế hoạch.

3. Căn cứ kế hoạch được phê duyệt, hòa giải viên lao động phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện.

**Điều 7. Tiêu chí đánh giá kết quả của hòa giải viên lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**

Hòa giải viên lao động được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

1. Chấp hành chủ trương đường lối, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng;
2. Chấp hành tốt quy định cử hòa giải viên lao động tham gia hòa giải tranh chấp lao động của Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ;
3. Có kế hoạch hoạt động hằng năm quy định tại khoản 1 Điều 6 quy chế này được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hoàn thành 100% nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả;
4. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt 80% trở lên;
5. Kết quả hòa giải thành đạt từ 70% trở lên so với số vụ tham gia hòa giải của hòa giải viên lao động.

**Điều 8. Tiêu chí đánh giá kết quả của hòa giải viên lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ**

Hòa giải viên lao động đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

1. Chấp hành chủ trương đường lối, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng;
2. Chấp hành tốt quy định cử hòa giải viên lao động tham gia hòa giải tranh chấp lao động của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nội vụ;
3. Có kế hoạch hoạt động hằng năm quy định tại khoản 1 Điều 6 quy chế này được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hoàn thành 100% nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả;
4. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt 70% trở lên;
5. Kết quả hòa giải thành đạt từ 60% trở lên so với số vụ tham gia hòa giải của hòa giải viên lao động.

**Điều 9. Tiêu chí đánh giá kết quả của hòa giải viên lao động hoàn thành nhiệm vụ**

Hòa giải viên lao động đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

1. Chấp hành chủ trương đường lối, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng;
2. Chấp hành tốt quy định cử hòa giải viên lao động tham gia hòa giải tranh chấp lao động của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nội vụ;

3. Có kế hoạch hoạt động hằng năm quy định tại khoản 1 Điều 6 quy chế này được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hoàn thành 100% nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả;

4. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt 60% trở lên;

5. Kết quả hòa giải thành đạt từ 50% trở lên so với số vụ tham gia hòa giải của hòa giải viên lao động.

#### **Điều 10. Tiêu chí đánh giá kết quả của hòa giải viên lao động không hoàn thành nhiệm vụ**

Hòa giải viên lao động có một trong các tiêu chí sau đây thì xếp loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ:

1. Có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyên hóa theo đánh giá của cấp có thẩm quyền;

2. Có hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bị xử lý kỷ luật trong năm đánh giá;

3. Không chấp hành Quyết định cử tham gia hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp hợp đồng đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động;

4. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt dưới 50%;

5. Không xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm quy định tại khoản 1 Điều 6 quy chế này hoặc không hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

#### **Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động**

1. Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý.

Chủ tịch Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nội vụ là Giám đốc Sở Nội vụ; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức khác cấp tỉnh nơi hòa giải viên lao động đang công tác là thành viên. Chủ tịch Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức khác cấp xã nơi hòa giải viên lao động đang công tác là thành viên.

2. Việc đánh giá, xếp loại hòa giải viên lao động được thực hiện theo từng năm công tác.

Quy trình tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động được thực hiện như sau:

a) Hòa giải viên lao động tự đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, gửi cơ quan quản lý hòa giải viên lao động.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã giao Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã và báo cáo Sở Nội vụ.

c) Sở Nội vụ giao Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc quyền quản lý của Sở và tổng hợp chung báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã để phân loại đánh giá hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh. Kết quả đánh giá, phân loại hòa giải viên lao động là căn cứ để khen thưởng, bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng hòa giải viên lao động hoặc miễn nhiệm hòa giải viên lao động theo quy định.

d) Thời điểm đánh giá, xếp loại hòa giải viên lao động được tiến hành trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

### **Điều 12. Chế độ báo cáo**

1. Hòa giải viên lao động có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ với cơ quan quản lý hòa giải viên lao động như sau:

a) Báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/6) và hằng năm (trước ngày 15/12).

b) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo của hòa giải viên lao động thuộc phân công quản lý, xây dựng báo cáo về tình hình hòa giải trên địa bàn gửi Sở Nội vụ. Báo cáo định kỳ 06 tháng (trước 25/6) và hằng năm (trước 20/12).

3. Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, xây dựng báo cáo về tình hình hòa giải tranh chấp lao động của tỉnh, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời báo cáo Bộ Nội vụ. Báo cáo định kỳ hoàn thành trước ngày 25/12 hằng năm.

### **Điều 13. Lưu trữ hồ sơ**

1. Hòa giải viên lao động có trách nhiệm lập hồ sơ về công việc được giao và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động; trước khi miễn nhiệm, hết nhiệm kỳ thì phải bàn giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu cho người có trách nhiệm của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động.

2. Sở Nội vụ chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu về thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động vào lưu trữ của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật lưu trữ.

3. Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý tài liệu lưu trữ; tổ chức thực hiện việc lập hồ sơ, bảo quản và nộp lưu hồ sơ, tài liệu về thực

hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động vào lưu trữ của cơ quan quản lý hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật lưu trữ.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Sở Nội vụ:**

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

b) Xây dựng kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động theo quy định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; triển khai thực hiện kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động theo quy định.

c) Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trên cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh để người lao động, người sử dụng lao động biết và liên hệ.

d) Chủ trì, phối hợp với đơn vị chuyên môn của Bộ Nội vụ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hòa giải viên lao động trên địa bàn.

đ) Thực hiện kiểm tra, giám sát công tác hòa giải lao động theo quy định của pháp luật.

e) Hằng năm, tổng hợp tình hình hòa giải lao động, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ.

##### **2. Sở Tài chính**

Hằng năm, trên cơ sở dự toán kinh phí do các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện đề xuất, Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

##### **3. Ủy ban nhân dân cấp xã**

a) Thực hiện quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn cấp xã theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

b) Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

c) Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trên cổng thông tin điện tử và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương để người lao động, người sử dụng lao động biết và liên hệ.

d) Hằng năm, tổng hợp tình hình hòa giải lao động, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trên địa bàn báo cáo Sở Nội vụ.

4. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi hòa giải viên lao động đang công tác tạo điều kiện bố trí thời gian thích hợp để hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

5. Đề nghị các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan phối hợp, cung cấp các thông tin, tài liệu về lao động, quan hệ lao động, vụ việc tranh chấp lao động theo yêu cầu của hòa giải viên lao động để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

6. Quy chế này được quán triệt và triển khai đến các hòa giải viên lao động và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các hòa giải viên lao động phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.